

PHỤ LỤC
BIỂU TỔNG HỢP KINH PHÍ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM CẤP XÃ
NHIỆM KỲ 2025-2030
XÃ BA VÌ

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 9 năm 2025 của UBND xã Ba Vì)

ĐVT: 1.000 đồng

STT	Các khoản chi theo tiêu chuẩn, chế độ, định mức quy định của cấp thẩm quyền	Tổng nhu cầu kinh phí đã chi tổ chức đại hội	Ngân sách xã cân đối bố trí	Kinh phí đề nghị hỗ trợ từ ngân sách cấp trên (nếu có)	Ghi chú (1)
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=1-2</i>	
	TỔNG CỘNG	129.265	-	129.265	
1	Chi tổ chức Đại hội trừ bị	11.600		11.600	
1,1	Tiền nước uống (giải khát giữa giờ) cho đại biểu dự đại hội trừ bị	7.250		7.250	Theo Khoản 7, Điều 1:Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4 Điều 12 Thông tư số 12/2025 sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 40/2017/TT-BTC
1,2	Chi phô tô tài liệu (dự thảo Chương trình ĐH, Báo cáo chính trị, Báo Cáo kiểm điểm,...)	4.350		4.350	Tạm tính theo tình hình thực tế
2	Chi phục vụ tổ chức Đại hội	15.600		15.600	

2,1	Tiền ăn của đại biểu không hưởng lương từ ngân sách nhà nước	8.100		8.100	Theo Khoản 7, Điều 1:Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4 Điều 12 Thông tư số 12/2025 sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 40/2017/TT-BTC
2,2	Nước uống (giải khát giữa giờ) cho đại biểu dự đại hội	7.500		7.500	
3	Tiền photo, in ấn tài liệu, giấy mời, phù hiệu, thẻ ĐH	8.875		8.875	
3,1	Tiền phô tô tài liệu đại hội	4.500		4.500	Khoản 2 Điều 6, Nghị quyết 46/2017/NQ-HĐND tỉnh ngày 29/9/2017
3,2	Phù hiệu cho Đại biểu	1.950		1.950	Tạm tính theo tình hình thực tế
3,3	Thẻ đeo ngực cho Đại biểu	850		850	Tạm tính theo tình hình thực tế
3,4	In giấy mời (bì và giấy mời)	1.500		1.500	Tạm tính theo tình hình thực tế
3,5	Bảng tên để bàn	75		75	Tạm tính theo tình hình thực tế
4	Kinh phí bố trí mua quà lưu niệm cho Đại hội	55.400		55.400	
4,1	Quà tặng các đồng chí không tái cử ủy viên Ủy ban MTTQ VN nhiệm kỳ 2024-2029	5.400		5.400	Tạm tính theo tình hình thực tế
4,2	Quà tặng ĐB tham dự	50.000		50.000	Tạm tính theo tình hình thực tế

5	Công tác văn nghệ, hoa trang trí	17.300	-	17.300	
5,1	Hoa tươi tặng đoàn chủ tịch, đội văn nghệ	2.100		2.100	Tạm tính theo tình hình thực tế
5,2	Lễ hoa tươi để bàn đại biểu, bàn chủ tịch, cục phát biểu, bàn thư ký ...	5.000		5.000	Tạm tính theo tình hình thực tế
5,3	Văn nghệ chào mừng Đại hội	10.200		10.200	Tạm tính theo tình hình thực tế
	<i>Hỗ trợ nước uống tập luyện</i>	<i>3.600</i>		<i>3.600</i>	<i>Tạm tính theo tình hình thực tế</i>
	<i>Hỗ trợ thuê đồ, trang điểm</i>	<i>6.600</i>		<i>6.600</i>	<i>Tạm tính theo tình hình thực tế</i>
6	Công tác trang trí Đại hội	18.390		18.390	
6,1	Âm thanh, ánh sáng	5.000		5.000	Tạm tính theo tình hình thực tế
6,2	Thuê rạp trại 5m x 12m	1.200		1.200	Tạm tính theo tình hình thực tế
6,3	Cổng chào chữ U gắn cờ chuỗi, vòng cờ tròn	2.840		2.840	Tạm tính theo tình hình thực tế
6,4	Khẩu hiệu hành động	2.000		2.000	Tạm tính theo tình hình thực tế
6,5	Phướn treo dọc đường: Kích thước 0.8m x 2m	3.000		3.000	Tạm tính theo tình hình thực tế
6,5	Phòng trang trí Hội trường TIVI 55 inch gắn tường	2.000		2.000	Tạm tính theo tình hình thực tế

6,7	Phòng trang trí sân khấu ĐH căn khung sác	2.350		2.350	Tạm tính theo tình hình thực tế
7	Công tác an ninh BCH quân sự xã	500		500	
7,1	Bồi dưỡng lực lượng BCH quân sự xã	500		500	Tạm tính theo tình hình thực tế
8	Chi hỗ trợ đội phục vụ	1.600		1.600	
8,1	Chi bồi dưỡng cho những người phục vụ tổ chức đại hội (không bao gồm cán bộ, nhân viên thuộc các đơn vị cung cấp dịch vụ)	600		600	Tạm tính theo tình hình thực tế
8,2	Công thuê mướn dọn dẹp hội trường trước và sau Đại hội, dọn dẹp sân vườn Nhà văn hóa. Thuê máy cắt cỏ, xăng, nhớt...	1.000		1.000	Tạm tính theo tình hình thực tế

*** Lưu ý:** (1) Thuyết minh cơ sở pháp lý về nội dung chi và mức chi theo quy định của cấp thẩm quyền tại cột ghi chú